

Số: /BC-THAT

An Thái, ngày 24 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC 2024-2025

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Công văn số 467/KH-PDĐT ngày 27 tháng 06 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Phú Giáo về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học năm học 2024-2025;

Căn cứ vào tình hình thực tế của trường TH An Thái báo cáo thường niên năm học 2024 – 2025 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC.

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường TH An Thái, huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Ấp Phú Thịnh 2, xã An Thái, huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương.

Thư điện tử: th-anthai@pg.sgdbinhduong.edu.vn.

Trang web: <http://thanthai.phugiao.edu.vn>

3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục. Sứ mạng: Phát triển những giá trị cốt lõi 5 phẩm chất và 10 năng lực. Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời kỳ hội nhập. Là một trong những trường TH có chất lượng giảng dạy trong huyện. Đào tạo thế hệ học sinh có truyền thống tư hao là học sinh trường TH Tân Long, là những công dân có ích cho gia đình và xã hội, là những con người mới XHCN, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống.

4. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Hiệu trưởng: Phạm Thị Thanh Hoà

Số điện thoại: 0979979191

Thư điện tử: hoa-thanthai@pg.sgdbinhduong.edu.vn

5. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập trường TH thuộc huyện Phú Giáo Tỉnh

Bình Dương tháng 8/2005 trường được thành lập trên cơ sở từ trường Tiểu học An Linh B theo quyết định số 75/QĐ-UB, ngày 01 tháng 8 năm 2005 của UBND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường số 3667/QĐ-UBND ngày 1/08/2024 v/v kiện toàn Hội Đồng Trường TH An Thái (nhiệm kỳ 2022 -2026);

c) Quyết định số 498/QĐ-UBND NGÀY 31/05/2021 của ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo về việc xếp hạng trường TH.

d) Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 v/v tổ chức lại trường TH An Thái trực thuộc Ủy Ban Nhân dân huyện Phú Giáo.

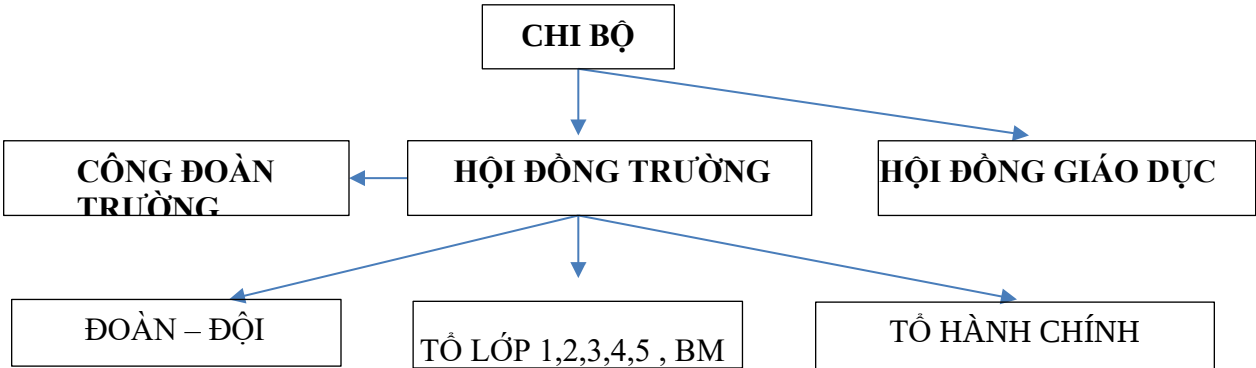
e) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

+ Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số: 4527/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của UBND huyện Phú Giáo về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

+ Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng số: 3059/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của UBND huyện Phú Giáo về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

+ Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Thông tư số: 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học.

+Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:



II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN CỦA CƠ SỞ GD NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						
			Tuyển dụng theo NĐ 116 (Biên chế, hợp	Các hợp đồng khác	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN		

			đồng làm việc có thời hạn và không thời hạn)	(Hợp đồng theo ND 68)						Dưới TCCN	Ghi chú
	Tổng số CBGVNV	31	31				25	2		4	
I	Giáo viên	22	22				21	1			
	Giáo viên dạy lớp	16	16				15	1			
1	Mĩ thuật	1	1				1				
2	Thể dục	2	2				2	1			
3	Âm nhạc	1	1				1	1			
4	Tiếng nước ngoài	2	2				2	2			
5	Tin học	1	1				1				
II	Cán bộ quản lý	2	2				2				
1	Hiệu trưởng	1	1				1				
2	Phó hiệu trưởng	1	1				1				
III	Nhân viên	6	6								
1	Nhân viên văn thư										
2	Nhân viên kế toán	1	1				1				
3	Thủ quỹ										
4	Nhân viên y tế	1	1					1			
5	Nhân viên thư viện-TB-CNTT										
6	Phục vụ	2		2						2	
7	Bảo vệ	2		2						2	
8	Nhân viên thiết bị										
9	Phụ trách đội	1	1				1				
10	Phụ trách phòng leb, QLPM										

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	20	1 phòng/ 1 lớp
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	20	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	33246	87m ² / hs
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2000	5.3m ² / hs
VI	Tổng diện tích các phòng	1365	

1	Diện tích phòng học (m ²)	1365	
2	Diện tích phòng thiết bị (m ²)	69	
3	Diện tích thư viện (m ²)	84	
4	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	12	1 bộ/ 1 lớp
1	Khối lớp 1	3	
2	Khối lớp 2	2	
3	Khối lớp 3	2	
4	Khối lớp 4	3	
5	Khối lớp 5	2	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	52	
IX	Tổng số thiết bị		
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	
5	Bộ âm thanh (amly, loa)	20	-
6			-

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	200m²
XI	Nhà ăn	200 m²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/		
XIII	Khu nội trú	/		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		4		0.1m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	

XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1			X		
Tiêu chí 1.2			X		
Tiêu chí 1.3			X		
Tiêu chí 1.4			X		
Tiêu chí 1.5			X		
Tiêu chí 1.6			X		
Tiêu chí 1.7			X		
Tiêu chí 1.8			X		
Tiêu chí 1.9			X		
Tiêu chí 1.10			X		
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1			X		
Tiêu chí 2.2			X		
Tiêu chí 2.3			X		
Tiêu chí 2.4			X		
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1			X		
Tiêu chí 3.2			X		
Tiêu chí 3.3			X		
Tiêu chí 3.4			x		
Tiêu chí 3.5			X		
Tiêu chí 3.6			X		
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1			X		
Tiêu chí 4.2			X		
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1			X		
Tiêu chí 5.2			X		
Tiêu chí 5.3			X		
Tiêu chí 5.4			X		
Tiêu chí 5.5			X		

TT	Tiêu chuẩn	Tổng số tiêu chí	Đã hoàn thành tự đánh giá		Đã đánh giá ngoài		Kết quả số lượng tiêu chí Tự đánh giá đạt theo yêu cầu					Ghi chú
			Số lượng	%	Số lượng	%	Không đạt	Đạt cấp độ 1	Đạt cấp độ 2	Đạt cấp độ 3	Đạt cấp độ 4	
1	Tiêu chuẩn 1	10	10/10	100	10/10	100			10/10			
2	Tiêu chuẩn 2	4	4/4	100	4/4	100			4/4			
3	Tiêu chuẩn 3	6	6/6	100	6/6	100			6/6			
4	Tiêu chuẩn 4	2	2/2	100	2/2	100			2/2			
5	Tiêu chuẩn 5	5	5/5	100	5/5	100			5/5			
	Cộng											

Kết luận:

+ Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: mức 2 vào tháng 10/2024 QĐ Số:1781/QĐ-SGDĐT ngày 22/10/2024.

+ Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ: 1 vào tháng 11 năm 2024 QĐSố:3290/QĐ-UBND tỉnh Bình Dương ngày 18/11/2024 của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến, chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm trường tự đánh giá.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC.

Thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế học kỳ I, năm học 2024-2025

Kết quả HKI:

Môn học	Khối 1			Khối 2			Khối 3			Khối 4			Khối 5		
	T	H	C	T	H	C	T	H	C	T	H	C	T	H	C
T Việt	36	44	7	26	33	4	33	37	1	34	42	0	24	42	0
Toán	35	45	7	28	33	2	31	39	1	38	38	0	25	41	0
Đ đức	34	53	0	31	32	0	39	32	0	35	41	0	30	36	0
TNXH	39	48	0	28	35	0	35	36	0						
K học										42	34	0	30	36	0
LS,ĐL										37	39	0	29	37	0
Ânhạc	36	50	1	24	39	0	29	41	1	33	43	0	25	41	0
Mthuật	39	48	0	28	35	0	35	36	0	38	38	0	32	34	0
HĐTN	38	49	0	31	32	0	37	34	0	41	35	0	29	37	0
GDTC	32	55	0	26	37	0	31	40	0	33	43	0	30	36	0
CNghệ							34	37	0	39	37	0	25	41	0
T học				25	38	0	34	37	0	37	39	0	26	40	0
T Anh	26	55	6	22	40	1	25	41	1	30	45	1	23	43	0

Năng lực	Khối 1			Khối 2			Khối 3			Khối 4			Khối 5		
	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C
TC và TH	52	35	0	32	31	0	33	38	0	37	39	0	27	39	0
GT và HT	25	35	0	32	31	0	33	38	0	37	39	0	27	39	0
GQVĐ và ST	52	35	0	32	31	0	33	38	0	37	39	0	27	39	0
Ng ngữ	52	35	0	32	31	0	33	38	0	37	39	0	27	39	0
Tính toán	52	35	0	32	31	0	33	38	0	37	39	0	27	39	0
Khoa học	52	35	0	32	31	0	33	38	0	37	39	0	27	39	0
Công nghệ							33	38	0	37	39	0	27	39	0
Tin học							33	38	0	37	39	0	27	39	0
Thẩm mỹ	52	35	0	32	31	0	33	38	0	37	39	0	27	39	0
Thể chất	52	35	0	32	31	0	33	38	0	37	39	0	27	39	0

Phẩm chất	Khối 1			Khối 2			Khối 3			Khối 4			Khối 5		
	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C
Yêu nước	56	31	0	38	25	0	37	34	0	38	38	0	30	36	0
Nhân ái	56	31	0	38	25	0	37	34	0	38	38	0	30	36	0
Chăm chỉ	56	31	0	38	25	0	37	34	0	38	38	0	30	36	0
Trung thực	56	31	0	38	25	0	37	34	0	38	38	0	30	36	0
Trách nhiệm	56	31	0	38	25	0	37	34	0	38	38	0	30	36	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước năm 2024, quý I năm 2025)

Ngân sách nhà nước năm 2024					
STT	Nguồn	DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng	DT giữ lại	DT còn lại
1	Kinh phí thường xuyên	6. 633.458.000	6. 608.825.297	21.792.000	2.840.703
2	Kinh Không thường xuyên	801. 534.000	680. 457.028	3. 675.000	117.401.972
3	Kinh phí khen thưởng	168. 400.000	168. 359.400		40.600
4	Tổng	7. 603.392.000	7. 457.641.725	25.467.000	120.283.275

Ngân sách nhà nước quý 1/ 2025					
STT	Nguồn	DT năm trước chuyển sang	DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng	DT còn lại
1	Kinh Không thường xuyên				
2	Kinh phí thường xuyên				
3	Tổng				

1. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

Căn cứ Nghị Quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Dương Năm 2024				
STT	Nguồn	Tổng thu	Tổng chi	Tồn
1	Tiền ăn 30.000đ/ ngày/ hs	509.516.000	509.516.000	0
	Tổ chức nấu ăn 165.000đ/ hs/tháng	121.736.642	121.736.642	0
2	Buổi hai 4.600đ/ tiết/hs	330.520.740	330.520.740	0
3	vệ sinh phí 11.000đ/ tháng/hs	30.969.000	30.969.000	0
1	Tổng	992.742.382	992.742.382	0

Căn cứ Nghị Quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Dương Quý 1/2025				
STT	Nguồn	Tổng thu	Tổng chi	Tồn
1	Tiền ăn 30.000đ/ ngày/ hs	145.770.000	145.770.000	0
2	Tổ chức nấu ăn 165.000đ/ hs/tháng	35.957.500	35.246.132	711.368
3	Buổi hai 4.600đ/ tiết/hs	34.360.700	0	34.360.700
4	vệ sinh phí 11.000đ/ tháng/hs	14.154.000	9.293.000	4.861.000
1	Tổng	230.242.200	190.309.132	39.933.068

Công tác bán trú: Trong năm học nhà trường thực hiện công khai trực tuyến thực đơn học sinh ăn bán trú hàng ngày, hàng tuần trên nhóm lớp bán trú để PHHS nắm và biết chế độ ăn trưa, ăn xế của học sinh.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

1. Quy mô trường, lớp, học sinh

Tổng số lớp: 12, tổng số HS đầu năm: 367/188 nữ, Số HS đến tháng 01/2025: **364/187** nữ, giảm 03 HS so với đầu năm. HS khuyết tật: 18, HS dân tộc: 27 nữ, cụ thể như sau:

Tổ	Đầu năm			Đến cuối tháng 12		Tăng		Giảm		HSKT		HSDT	
	Số lớp	TS	Nữ	TS	Nữ	SL	Lý do	SL	Lý do	SL	Nữ	SL	Nữ
1	3	88	46	87	45			1/1nữ	C đi	7	3	11	7

2	2	64	29	64	29					5	0	3	2
3	2	72	34	71	34			1/0	C đi	2	1	6	3
4	3	76	46	76	46					3	1	3	2
5	2	67	34	66	33			1/1nữ	C đi	1	0	4	1
TC	12	367	189	364	187			3/2 nữ		18	5	27	15

Duy trì sĩ số học sinh đầu năm đến cuối HKI, không có học sinh bỏ học; số học sinh giảm 03 em so với đầu năm.

2.Học sinh: Tham gia Phong trào cấp huyện, Tỉnh, quốc gia đạt cụ thể:

Những kết quả đạt được HKI

	Phong trào Cấp trường	Phong trào Cấp huyện	Phong trào cấp Tỉnh
Chi đoàn	- 1 cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện Nghị quyết Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã An Thái lần thứ IV nhiệm kì 2022-2027. - Giấy khen của UBND xã An Thái theo Quyết định số: 40/QĐ-UBND, ngày 26/3/2025	- 1 cá nhân đạt bí thư chi Đoàn tiêu biểu huyện Phú Giáo năm 2025. - Giấy khen của UBND huyện Phú Giáo theo Quyết định số: 685/QĐ-UBND, ngày 24/3/2025	
Tổ chức hội thi chào mừng ngày 20/11	- Tổ chức hội thi văn nghệ với chủ đề “chào mừng kỉ niệm 42 năm ngày nhà giáo Việt Nam” với 100 % các lớp tham gia. Kết quả sau hội thi BTC đã trao giải ở 2 nội dung hát và múa cho 2 nhóm lớp: + Thẻ loại hát khối 1,2,3: giải nhất 3A1; giải nhì lớp 1A3, giải ba lớp 1A2, giải KK lớp 1A1. + Thẻ loại hát khối 4,5 : giải nhất 5A1.	- Tham gia hoạt động chào mừng kỉ niệm 40 năm ngày nhà giáo Việt Nam 04/01/2025. Kết quả đạt giải KK vẽ tranh sắc màu tuổi thơ.	

	+ Thẻ loại múa khối 1,2,3: giải nhất 2A2, giải nhì 2A1, giải ba 3A2. + Thẻ loại múa khối 4,5: giải nhất 4A2, giải nhì 4A1, giải ba 5A2; KK lớp 4A3.		
Hoạt động Xuân 2025	Tổ chức chương trình Mừng Đảng - Mừng Xuân với chủ đề : Xuân sẻ chia - Tết yêu thương với các hoạt động trải nghiệm như trang trí cảnh hoa ngày Tết, Trang trí mâm bánh mừng Xuân. Kết quả sau hội thi BTC đã trao giải ở 2 nội dung: * Trang trí cảnh hoa: giải nhất khối 2; giải nhì khối 3, giải ba khối 1 và 5 và giải KK khối 4. * Thi mâm bánh mừng Xuân: giải nhất lớp 3A1; giải nhì lớp 1A3 +4a2, giải ba lớp 1A1+1A2 và giải KK lớp 4A1, 4A3, 5A1, 5A2.	- Tham gia hoạt động Học sinh Phú Giáo – vui đón Xuân sang do Hội đồng đội huyện tổ chức vào ngày 04/01/2025. Kết quả đạt giải Ba trang trí Thiệp chúc Xuân. - Tham gia thi vẽ heo đất mừng Đảng mừng Xuân đạt 1 giải KK.	
Khen giáo viên đạt danh hiệu "giáo viên trẻ tiêu biểu"		1 cá nhân đạt Giáo viên trẻ tiêu biểu huyện Phú Giáo năm 2024	

tỉnh Bình Duong lần thứ VIII năm 2024			
Hoạt động Tổ chức Ngày hội Công nghệ thông tin và STEM Ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Phú Giáo năm học 2024 - 2025	Ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Phú Giáo năm học 2024- 2025,	- Tham gia Ngày Hội CNTT-STEM do phòng GD tổ chức ngày 27,28/12/2024 đạt 1 giải khuyến khích).	
		1 cá nhân HS học sinh lớp 4 và 1 cá nhân HS học sinh lớp 5 được tuyên dương cháu ngoan Bác Hồ cấp huyện (em Nguyễn Hoàng Khang lớp 5A1 và em Bùi Thanh Bình lớp 4A1) 1 cá nhân học sinh được công nhận nhà sử học nhỏ tuổi cấp huyện (em Nguyễn Thảo Nguyên lớp 3A1	
Phong trào thi Hội khỏe Phù Đổng		1 giải Nhì bơi lội	

Hội đồng đội kết hợp với Phòng Giáo dục huyện Phú giáo tổ chức		- 1 giải Khuyến khích - Thi vẽ tranh: Chào mừng ngày 20/11	
Văn hóa thông tin kết hợp với Phòng Giáo dục huyện Phú giáo tổ chức		- 1 giải Khuyến khích- Thi vẽ tranh : Mừng Đảng- Mừng xuân Ất tỵ	
Thi Trạng Nguyên Tiếng Việt trên Internet	- Công nhận 14 em	- Giải nhất 1 em; giải Nhì 1 em; giải Ba 1 em ; giải Khuyến khích 1 em	- Giải Nhì 1 em; giải Ba 2 em ; giải Khuyến khích 1 em
Thi IOE tiếng Anh trên Internet	- Công nhận 8 em (1 Em Hoàn thành xuất sắc; 4 em hoàn thành tốt; 3 em hoàn thành)	- 7 em (Công nhận Hoàn thành)	
Thi OLIMPIC tiếng Anh trên Internet		Công nhận 1 em: (lớp 4a1)	

2. Hoạt động khác:

-Thực hiện tốt các công tác vận động ủng hộ, nhân đạo từ thiện do cấp trên và địa phương tổ chức. Kết quả:

Tiền hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực

giáo dục đào tạo nhà trường có 47 học sinh với số tiền là 63.450.000đ

Theo Nghị Quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Dương Quy định các khoản thu và mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương thì số tiền giảm buổi 2 các khối là 6 em với số tiền 3,152,000 đồng, số tiền miễn 41 học sinh với số tiền là : 41,900,000 đồng.

Câu lạc bộ nữ lãnh đạo Huyện phú giáo 3 xuất HB trị giá 3.000.000đ cho 3 em HS

Mạnh thường quân Phạm Thị Hoa tặng 1 xuất trị giá 500.000 cho 1 em hs

Mạnh thường quân Đặng Xuân Phúc tặng 10 xuất quà trị giá 3.000.000 cho 10 em HS

Hội CMHS trường tặng 14 xuất trị giá 4.200.000 cho 14 em HS

Quỹ HKH Xã An Thái tặng 10 xuất trị giá 3.000.000 cho 10 em HS

Học bổng từ quỹ “ vì người nghèo” huyện tặng 4 xuất HB trị giá 4.000.000đ cho 4 em HS

Hội LHPN xã An Thái hỗ trợ BHYT cho 10 xuất trị giá 5.000.000 cho 10 em

Học bổng Homtamin do HKH huyện tặng 1 xuất trị giá 1.000.000 cho 1 em

Học bổng quỹ khuyến học huyện tặng 1 xuất HB trị giá 3.000.000 cho 1 em

Học bổng HS vượt khó năm học 2024-2025 tặng 2 xuất HB trị giá 4.000.000 cho 2 em HS

CTĐ xã An Thái tặng 60 quyển tập trắng cho e mem HS

Nhà sách Cánh Diều tặng 500 cuốn tập trắng và 50 bộ dung học tập cho 50 em HS

Học sinh khuyết tật nhận đồ dung học tập của phòng lao động thương binh xã hội tặng 19 phần trị giá 9.500.000 cho 19 em hs khuyết tật.

- Ngân hàng Vietcombank tặng 2 xuất học bổng cho 2 em trị giá 1.000.000/ 1 em, tổng 2.000.000

- Thành lập đội phát thanh măng non gồm 10 em thường xuyên tuyên truyền đến 100% học sinh về bệnh sốt xuất huyết, bệnh tay chân miệng, bệnh tiêu chảy, bệnh cong vẹo cột sống, cách phòng tránh bệnh theo mùa ý thức bảo vệ môi trường không xả rác vứt rác bừa bãi.

- Tham gia hiến máu được 2 người.

*** Phòng chống tai nạn thương tích, dịch bệnh**

Phối hợp với trung tâm y tế xã tập huấn cho đội thiếu niên xung kích về cách phòng chống tai nạn thương tích như đuối nước, điện giật, tai nạn giao thông... Thường xuyên tuyên truyền giáo dục học sinh không chơi các trò chơi nguy hiểm, bạo lực. Nâng cao kỹ năng tự bảo vệ bản thân trước những tai nạn có thể xảy ra trong cuộc sống. Phối hợp với trạm y tế tiêm bổ sung vắc xin Uốn ván – Bạch hầu cho học sinh lớp 2 (42 em), Tiêm ngừa sởi cho HS từ lớp 1 đến lớp 5 (142 em), GVCN báo PHHS cho em có DS đi khám chuyên khoa, để xác định và điều trị , đảm bảo sức khỏe cho HS.

*** Vệ sinh môi trường**

Giáo dục học sinh nâng cao ý thức bảo vệ môi trường qua các việc làm thiết thực gần gũi trong cuộc sống như: Không xả rác bừa bãi trong sân trường, lớp học. Không phá hoại cây xanh. Tham gia lao động vệ sinh sân trường một tuần một lần. Trồng hoa, cây xanh tạo bóng mát, vẻ đẹp trên sân trường. Trang trí lớp học. Thực hiện phong trào kế hoạch nhỏ: thu gom rác, giấy có thể tái chế. Thực hiện tốt công tác phân loại rác thải tại đơn vị.

*** An toàn giao thông**

Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục các em trong các buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp, sinh hoạt tập thể. Lồng ghép vào chương trình giảng dạy. Phối hợp ban ATGT địa phương tuyên truyền giáo dục, hướng dẫn các em. Công ty Hôn Đa 86 mũ bảo hiểm cho 86 học sinh lớp 1. Tuyên truyền 100% học sinh và CB.GV.NV cam kết tuân thủ thực hiện tốt ATGT theo ND 168/2024. Ban an toàn giao thông.

*** Hoạt động Đoàn- Đội – Sao nhi đồng**

- củng cố các hoạt động của Chi đoàn, Liên đội ngay từ đầu năm học. Tổ chức tốt Đại hội Chi đoàn, Đại hội Liên đội đầu năm. Xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện trong năm học. Triển khai chương trình rèn luyện Đoàn viên, nhi đồng và đội viên. Đẩy mạnh hoạt động Đoàn, đội, sao nhi đồng, nâng cao chất lượng sinh hoạt cả về nội dung lẫn hình thức, thực hiện tốt chương trình rèn luyện đội viên.

- Tổng số:

+ Đoàn viên: 8

+ Đội viên: 362/186 nữ

+ Tổng số chi đội: 07

+ Tổng số lớp nhi đồng: 05

+ Tổng số nhi đồng: 149/73 nữ.

+ Tổng số đội viên: 213/113 nữ.

+ Tổng số Sao nhi đồng: 20 sao.

- Tổ chức sinh hoạt Đoàn đội, sinh hoạt sao: đã tổ chức tuy nhiên chưa được thường xuyên.

3. Giáo viên.

- Đạt 1 giáo viên trẻ tiêu biểu” huyện Phú Giáo lần thứ III năm 2024 QĐ khen số 168-QĐ/DTN ngày 14/11/2024

- Tham gia Ngày Hội CNTT-STEM do phòng GD tổ chức ngày 27,28/12/2024 đạt 1 giải khuyến khích).

Trên đây là báo cáo thường niên từ tháng 9 /2024 đến tháng 4/2025 của Trường Tiểu học An Thái.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Phú Giáo (báo cáo);
- Đăng trên trang Web trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thanh Hoà

